

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI

NGUYỄN THỊ THANH THỦY*

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích, làm rõ những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) về các biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; chỉ ra một số hạn chế, bất cập và đề xuất hướng hoàn thiện trong thời gian tới.

Từ khóa: Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, biện pháp ngăn chặn, người dưới 18 tuổi.

Ngày nhận bài: 30/12/2022; Biên tập xong: 15/01/2022; Duyệt đăng: 06/02/2022

COMPLETING REGULATIONS ON PREVENTIVE MEASURES TO OFFENDERS UNDER 18 YEARS OLD IN THE 2015 CRIMINAL PROCEDURE CODE

Abstract: The paper analyzes the provisions of the 2015 Criminal Procedure Code (amended and supplemented in 2021) on preventive measures to offenders under 18 years old. Thereby, it points out some shortcomings of these regulations and proposes recommendations.

Keywords: The 2015 Criminal Procedure Code, preventive measures, person under 18 years old

Received: Dec 30th, 2022; **Editing completed:** Jan 15th, 2023; **Accepted for publication:** Feb 06th, 2023.

1. Một số khái niệm

Biện pháp ngăn chặn là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc trong tố tụng hình sự được áp dụng đối với bị can, bị cáo, người bị truy nã hoặc đối với người chưa bị khởi tố nhằm ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội hoặc có hành động gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn vừa rất quan trọng và cần thiết nhằm nhanh chóng phát hiện, xử lý hành vi phạm tội, người phạm tội, giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, qua đó bảo vệ các lợi ích của nhà nước, xã hội và mọi công dân; vừa có thể gây hạn chế các quyền, tự do cá nhân của người bị áp dụng. Trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 – sau đây gọi tắt là BLTTHS năm 2015), các biện pháp ngăn chặn được

quy định tại Chương VII, gồm: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp; bắt; tạm giữ; tạm giam; bảo lãnh; đặt tiền để bảo đảm; cấm đi khỏi nơi cư trú; tạm hoãn xuất cảnh. Riêng biện pháp bắt người có các trường hợp: Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; bắt người phạm tội quả tang; bắt người đang bị truy nã; bắt bị can, bị cáo để tạm giam; bắt người bị yêu cầu dẫn độ.

Người dưới 18 tuổi là một chủ thể đặc biệt trong quan hệ pháp luật tố tụng hình sự. Đây là nhóm người chưa phát triển đầy đủ về thể chất cũng như về tâm, sinh lý, trình độ nhận thức về kinh nghiệm sống còn hạn chế. Đặc điểm tâm lý như vậy đòi hỏi phải áp dụng các trình tự, thủ tục riêng của pháp luật tố tụng hình sự phù hợp với đặc điểm lứa tuổi. BLTTHS năm 2015 tiếp tục quy định thủ tục tố

* Khoa Luật, Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy

tụng đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo tại Chương XXVIII. Trong đó, các quy định về tố tụng hình sự nói chung và các quy định về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng có những khác biệt so với nhóm chủ thể là người trên 18 tuổi.

2. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về các biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Theo Điều 419 BLTTHS năm 2015 về áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế thì “Chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn... đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong trường hợp thật cần thiết”. Quy định này phù hợp với Công ước viên của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em năm 1989. “Trường hợp thật cần thiết” ở đây được hiểu là việc áp dụng các biện pháp này là cuối cùng, khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng các biện pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả. Bởi lẽ, biện pháp ngăn chặn là biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân nên đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, BLTTHS năm 2015 quy định theo hướng hạn chế hơn để giảm bớt những ảnh hưởng của các biện pháp này đối với tâm, sinh lý của người dưới 18 tuổi.

Ngoài ra, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi cũng cần phải tuân thủ quy định trong từng loại biện pháp ngăn chặn cụ thể về căn cứ, thủ tục, thẩm quyền. Trong các biện pháp ngăn chặn thì giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người bị giữ trong trường

hợp khẩn cấp, bắt người bị yêu cầu dẫn độ, tạm hoãn xuất cảnh là các biện pháp ngăn chặn mới được BLTTHS năm 2015 bổ sung. Ngoài các quy định cụ thể về các biện pháp ngăn chặn, BLTTHS năm 2015 cũng quy định rõ: Áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi phải lưu ý các vấn đề về thời hạn áp dụng biện pháp tạm giam. Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người, tạm giữ, tạm giam được chia thành hai trường hợp theo nhóm tuổi: Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật Hình sự (BLHS) quy định hình phạt tù đến 02 năm thì có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã (Điều 419 BLTTHS năm 2015).

3. Một số vướng mắc, bất cập và hướng hoàn thiện

Thứ nhất, về căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi

Biện pháp ngăn chặn chỉ được thực hiện đối với người bị buộc tội trong trường hợp thật cần thiết¹, nhưng những trường hợp nào là cần thiết thì BLTTHS năm 2015 chưa giải thích rõ. Vấn đề này phụ thuộc rất lớn vào ý chí, quan điểm của người tiến hành tố tụng bởi trong thực tiễn, nếu vừa thỏa mãn điều kiện biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, vừa thỏa mãn điều kiện của một số biện pháp khác không tước tự do thì cơ quan chức năng vì bảo đảm quá trình tiến hành tố tụng được diễn ra thuận

¹ Khoản 1 Điều 149 BLTTHS năm 2015

lợi sẽ áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam. Chính vì quy định của BLTTHS năm 2015 chưa rõ ràng nên thực tế đã có những trường hợp ưu tiên áp dụng tạm giữ, tạm giam như là một vấn đề bảo đảm người bị buộc tội dưới 18 tuổi không bỏ trốn hoặc gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Xuất phát từ lý do trên, theo tác giả, cần ban hành văn bản hướng dẫn trong những trường hợp nào là cần thiết có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp áp giải đối với người dưới 18 tuổi. Theo đó, có thể liệt kê một số hành vi cụ thể của người bị buộc tội dưới 18 tuổi, cần thiết phải áp dụng như: Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; có dấu hiệu bỏ trốn, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã; tiếp tục phạm tội hoặc có chuẩn bị phạm tội; có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này hoặc tiếp tục phạm tội.

Thứ hai, về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người phạm tội quả tang đối với người dưới 18 tuổi

Quy định tại khoản 2, 3 Điều 419 BLTTHS năm 2015 rất khó thực hiện trong trường hợp bắt người phạm tội quả tang, vì biện pháp ngăn chặn này mang tính chất cấp bách nhằm ngăn chặn tội phạm, người phạm tội bỏ trốn. Nếu thấy người phạm tội đang thực hiện tội phạm mà còn phải xem xét về tuổi của người phạm tội,

loại tội phạm họ thực hiện theo quy định của khoản 2, 3 Điều 419 BLTTHS năm 2015 thì rất khó khăn khi thi hành trong khi luật quy định vì tính chất cấp bách và mục đích giúp phát huy tính tích cực của quần chúng nhân dân trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm, bất kỳ người nào cũng có quyền bắt người phạm tội quả tang và tước vũ khí, hung khí của người bị bắt. Điều này rất khó để tất cả người dân có đủ kiến thức pháp luật tố tụng hình sự để xem xét quy định về tuổi, loại tội phạm mà người phạm tội đã thực hiện. Ngoài ra, đối với những trường hợp người phạm tội đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm mà chần chừ không tiến hành ngay thì không đảm bảo được hiệu quả biện pháp ngăn chặn bắt người phạm tội quả tang vì có thể người phạm tội đã bỏ trốn, việc quy định bắt người phạm tội quả tang không còn ý nghĩa.

Vì vậy, cần thiết bãi bỏ quy định này tại khoản 2, 3 Điều 419 BLTTHS năm 2015. Ngoài ra, cũng cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể theo hướng vì tính cấp bách của tình hình là tội phạm đang diễn ra hoặc ngay sau khi tội phạm được thực hiện và nhằm đảm bảo yêu cầu, hiệu quả điều tra, hạn chế chi phí tốn kém về sau do các trường hợp bị coi là phạm tội quả tang thường có nhiều chứng cứ, thì người dưới 18 tuổi cũng bị áp dụng biện pháp này để kịp thời ngăn chặn tội phạm. Tuy nhiên, để đảm bảo sự phát triển bền vững về thể chất và tinh thần người dưới 18 tuổi phạm tội, cần lưu ý việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người phạm tội

quả tang đối với người dưới 18 tuổi chỉ nhằm mục đích răn đe và ngăn chặn tội phạm hạn chế tới mức thấp nhất hành vi xâm phạm đến sức khỏe và tinh thần của người dưới 18 tuổi phạm tội quả tang.

Thứ ba, về việc áp dụng biện pháp bắt người đang bị truy nã đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Thông tư liên tịch số 13/2012/TTLT-BCA-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 09/10/2012 hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS và Luật Thi hành án hình sự về truy nã quy định đối tượng bị truy nã bao gồm: Bị can, bị cáo bỏ trốn hoặc không biết đang ở đâu; người bị kết án trực xuất, người chấp hành án phạt trực xuất bỏ trốn; người bị kết án tử hình bỏ trốn; người đang chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được hoãn chấp hành án bỏ trốn. Quy định này cho thấy tính chất cấp bách ngăn chặn người đang bị truy nã trốn tránh pháp luật, thậm chí phạm tội mới, tiêu hủy chứng cứ... Tuy nhiên, khoản 2, 3 Điều 419 BLTTHS năm 2015 lại phân loại tội phạm và giới hạn các tội phạm có thể bị bắt trong trường hợp truy nã. Điều này sẽ gây khó khăn trong trường hợp tiến hành đối với đối tượng bị truy nã là người cố ý bỏ trốn.

Ngoài ra, tương tự với trường hợp bắt người phạm tội quả tang, luật quy định: “Khi bắt người đang bị truy nã thì người nào cũng có quyền tước vũ khí, hung khí của người bị bắt” (khoản 2 Điều 112). Trong thực tế, rất khó để khi phát hiện người đng bị truy nã còn xem xét về độ tuổi và loại tội phạm người đó đã thực

hiện, cũng như để tất cả người dân đều trang bị kiến thức trên.

Vì vậy, tác giả cho rằng để phù hợp với tính chất cấp bách cần ngăn chặn ngay người đang bị truy nã trốn tránh pháp luật, cần loại bỏ quy định về độ tuổi, loại tội phạm khi áp dụng biện pháp này tại khoản 2, 3 Điều 419 BLTTHS năm 2015. Bên cạnh đó, tương tự với vấn đề áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người phạm tội quả tang đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, chúng ta nhận thấy rằng người dưới 18 tuổi phạm tội là nhóm đối tượng có những đặc thù về thể chất và tinh thần chưa phát triển hoàn thiện. Vì vậy, cần ban hành văn bản hướng dẫn lưu ý việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người đang bị truy nã đối với người dưới 18 tuổi phải hạn chế đến mức thấp nhất hành vi xâm phạm đến sức khỏe và tinh thần của người dưới 18 tuổi phạm tội.

Thứ tư, về việc áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Về căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi, theo quy định tại Điều 110 BLTTHS năm 2015, có 03 trường hợp được áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp². Tuy nhiên, căn cứ tại điểm a khoản 1

² Khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015: “a. Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; b. Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn; c. Có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ”.

Điều 110 để giữ người dưới 18 tuổi trong trường hợp khẩn cấp chưa đảm bảo sự tương thích giữa BLTTHS năm 2015 và Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 – gọi tắt là BLHS năm 2015)³. Theo quy định của BLHS năm 2015, người từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hình sự về một số tội phạm nhất định⁴, và hành vi chuẩn bị phạm tội của người từ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự khi vi phạm quy định tại Điều 123, Điều 168 BLHS năm 2015, khi đó họ mới có thể bị áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Tuy nhiên, vấn đề này chưa được cụ thể trong quy định về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi dẫn đến trong thực tiễn có thể bị lạm dụng.

Thứ năm, về việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi

Đây là biện pháp được áp dụng rất nhiều trong thực tế. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp này còn một số vấn đề bất cập so với quy định phân loại tội phạm của BLHS năm 2015. Khoản 4 Điều 419 BLTTHS năm 2015 quy định: “Đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù đến 02 năm thì có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã”.

³ Điều 14 BLHS năm 2015: “Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội tại Điều 123, Điều 168 của BLHS thì phải chịu trách nhiệm hình sự”.

⁴ Xem: Khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015.

Như vậy, đối với bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi chỉ có thể được áp dụng khoản 4 Điều 419 khi mà quy định hình phạt tù đến 02 năm; còn từ 02 năm đến 03 năm của tội ít nghiêm trọng sẽ được áp dụng theo quy định chung về biện pháp ngăn chặn như người đủ 18 tuổi. Quy định này không hợp lý về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi. Do đó, theo tác giả, Điều 419 BLTTHS năm 2015 có thể sửa lại theo hướng sau:

“Chỉ áp dụng biện pháp tạm giam đối với người dưới 18 tuổi khi có căn cứ xác định áp dụng các biện pháp khác không hiệu quả. Đồng thời, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đã xác minh có một trong những căn cứ: Không có nơi cư trú rõ ràng; không có người thân, người giám hộ, người đại diện theo quy định của pháp luật; nhân thân xấu; tội phạm thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Thời hạn tạm giam đối với người từ 14 đến dưới 16 tuổi không quá 1/2 thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên.

Thời hạn tạm giam đối với người từ 16 đến dưới 18 tuổi không quá 2/3 thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên.

Khi không còn căn cứ để tạm giam thì cơ quan, người có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác. Khi đã hết thời gian tạm giam không được tiếp tục gia hạn tạm giam trừ trường hợp thuộc khoản 1 Điều này. Việc gia hạn tạm giam không được quá tổng 1/2 thời hạn điều tra, gia hạn điều tra đối với người từ 14 đến dưới 16 tuổi và không được quá 2/3 thời gian điều tra, gia hạn điều tra đối với người từ 16 đến dưới 18 tuổi”.

Thứ sáu, về thời hạn áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

Để bảo đảm sự phát triển toàn diện của trẻ em, BLHS năm 2015 đã phân hóa độ tuổi để xác định trách nhiệm hình sự (14 tuổi đến dưới 16 tuổi, 16 tuổi đến dưới 18 tuổi). Tuy nhiên, đoạn 2 khoản 1 Điều 419 BLTTHS năm 2015 quy định biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi nhưng lại không phân hóa độ tuổi để tương thích với BLHS năm 2015 nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp đối với người dưới 18 tuổi. Chính vì vậy, BLTTHS năm 2015 chỉ quy định chung tại khoản 1 Điều 419 về thời hạn tạm giam cho đối tượng dưới 18 tuổi “bằng 2/3” đối với người từ 18 tuổi trở lên. Tuy nhiên, quy định thời gian tạm giam “bằng 2/3” đối với người đủ 18 tuổi rất dễ dẫn đến hiểu sai và áp dụng sai.

Về thời gian tạm giữ, khoản 1 Điều này không điều chỉnh về thời gian tạm giữ, cũng như gia hạn tạm giữ nên dẫn đến người dưới 18 tuổi khi bị áp dụng biện pháp tạm giữ giống như người đủ 18 tuổi trở lên. Theo tác giả, điều này là chưa hợp lý và không có sự phân biệt giữa người đủ 18 tuổi và dưới 18 tuổi khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

Khi không còn căn cứ để tạm giữ, tạm giam thì cơ quan có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác đối với người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, quy định này lại chưa nói đến biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi có được gia hạn hay không đã dẫn đến người dưới 18 tuổi có thể tiếp tục bị gia hạn tạm giữ, tạm giam theo quy

định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 173 BLTTHS năm 2015.

Ngoài ra, quy định thời hạn tạm giữ tại khoản 2 Điều 118 vẫn chưa rõ ràng trong trường hợp phải gia hạn tạm giữ “Trong trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá ba ngày. Trường hợp đặc biệt người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá ba ngày”. Quy định này kết hợp với quy định tại Điều 419 thì hiểu như thế nào là “trường hợp cần thiết” và “trường hợp đặc biệt” để gia hạn tạm giữ đối với người dưới 18 tuổi. Về vấn đề này, tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 118 BLTTHS năm 2015 về các trường hợp gia hạn thời hạn tạm giữ như sau:

Trường hợp cần thiết cần có thời gian để xác minh căn cước, lai lịch, xác minh làm rõ dấu hiệu phạm tội của người bị bắt thì người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá ba ngày. Trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá ba ngày khi người bị tạm giữ có dấu hiệu phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng cần có thêm thời gian xác minh hoặc các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc người bị bắt theo quyết định truy nã mà thời gian gia hạn tạm giữ lần 01 chưa đủ để cơ quan ra quyết định truy nã đến nhận người bị bắt. Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị gia hạn và tài liệu liên quan đến việc gia hạn tạm giữ, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn./.